

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
Khu du lịch, đô thị ven biển huyện Quảng Xương đến năm 2045
(đoạn từ Nam Sầm Sơn đến đô thị Tiên Trang)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 5445/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch, đô thị

ven biển huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 (đoạn từ Nam Sầm Sơn đến đô thị Quảng Lợi);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 396/SXD-QH ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch, đô thị ven biển huyện Quảng Xương đến năm 2045 (đoạn từ Nam Sầm Sơn đến đô thị Tiên Trang), kèm theo Tờ trình số 421/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Quảng Xương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch, đô thị ven biển huyện Quảng Xương đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô

a) Phạm vi, ranh giới:

- Phạm vi lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính các xã Quảng Hải, Quảng Thái và một phần các xã Quảng Nhân, Quảng Lưu, Quảng Lộc.

- Ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp: xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn;

+ Phía Nam giáp: xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương;

+ Phía Đông giáp: Vịnh Bắc Bộ;

+ Phía Tây giáp: kênh Bắc thuộc các xã Quảng Nhân; Quảng Lưu; Quảng Lộc, huyện Quảng Xương.

b) Quy mô diện tích:

- Diện tích lập quy hoạch chung, tỷ lệ 1/5.000: 1.500 ha.

- Diện tích khảo sát đo vẽ địa hình, tỷ lệ 1/5.000: 1.650 ha.

2. Tính chất, chức năng

- Là khu du lịch sinh thái ven biển với chức năng du lịch nghỉ mát, nghỉ dưỡng và các hoạt động du lịch văn hóa cộng đồng, du lịch trải nghiệm, vui chơi giải trí;

- Là khu dân cư hiện trạng cải tạo, dân cư mới theo hình thức ở kiểu đô thị kết hợp với làng nghề truyền thống.

3. Dự báo và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

a) Quy mô dân số, khách du lịch:

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng: khoảng 35.702 người. Dân số dự báo đến năm 2035: khoảng 65.000 người.

- Quy mô khách du lịch:

+ Đến năm 2030 khoảng 1 triệu lượt khách/năm. (trong đó: Khách lưu trú lại trung bình: khoảng 6.000 người/ngày.đêm; Khách vãng lai trung bình: khoảng 3.000 người/ngày).

+ Đến năm 2045 khoảng 1,8 triệu lượt khách (trong đó: Khách lưu trú lại trung bình: khoảng 10.000 người/ngày.đêm; Khách vãng lai trung bình: khoảng 5.000 người/ngày).

(Quy mô dân số, khách du lịch sẽ được tính toán, luận chứng cụ thể trong bước lập quy hoạch).

b) Dự kiến các khu chức năng trong khu vực lập quy hoạch

- Khu du lịch sinh thái: Khu du lịch nghỉ mát, nghỉ dưỡng; Khu du lịch văn hóa cộng đồng, du lịch trải nghiệm; Khu vui chơi giải trí; Khu dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại...

- Khu dân cư: Khu dân cư hiện trạng cải tạo; Khu dân cư mới, khu tái định cư; Khu công cộng; Khu dịch vụ thương mại; Làng nghề truyền thống...

c) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Lựa chọn chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đất khu dân dụng căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam áp dụng cho đô thị loại V theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

* Đối với khu du lịch:

- Mật độ xây dựng gộp: khoảng 15% - 25%.

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông: 18% - 25%.

+ Cấp nước: Nước cấp cho khu nghỉ dưỡng: 200 lít/người, ngày đêm; Nước cấp cho công trình công cộng: 20m³/ha, ngày đêm; Nước tưới cây: 20m³/ha, ngày; Nước dự phòng: 20% tổng lượng nước.

+ Cấp điện: Điện cấp cho dịch vụ công cộng: 40W/m²; Điện cấp cho khu nghỉ dưỡng: 3KW/giường; Điện cấp cho nhà hàng: 100W/ m² sàn.

- + Thoát nước: Thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- + Rác thải: Thu gom và xử lý 100%.
- * Đối với khu dân cư:
 - Chỉ tiêu cơ bản về đất đai:
 - + Đất dân dụng bình quân toàn khu vực 70 – 100 m²/người
 - + Đất đơn vị ở: 45-55 m²/người;
 - + Đất công trình dịch vụ - công cộng tuân thủ theo Bảng 2.3: Quy mô tối thiểu của các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD).
 - + Đất cây xanh: tối thiểu 4 m²/người;
 - Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:
 - + Đất giao thông tính đến đường phân khu vực: tối thiểu 18% so với đất xây dựng đô thị (không bao gồm đất giao thông tĩnh);
 - + Đất bãi đỗ xe đô thị: 3,5 m²/người;
 - + Chỉ tiêu điện năng: tối thiểu 1000 KWh/người/năm; phụ tải 330W/người;
 - + Cấp nước sinh hoạt: tối thiểu 120 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước 100%;
 - + Thoát nước thải: tối thiểu 90% nước cấp; Thoát nước mưa và thoát nước thải riêng biệt;
- + Chất thải rắn: 0,9kg/ng/ngđ;
- + Thu gom xử lý: 100%.

4. Các yêu cầu đồ án quy hoạch

Các nội dung nghiên cứu lập quy hoạch yêu cầu thực hiện theo các quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, các quy định khác có liên quan và các yêu cầu cụ thể như sau:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế xã hội, dân số, lao động, văn hóa, sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường và những yếu tố đặc thù của khu vực.

b) Rà soát, đánh giá quy hoạch chung được duyệt cần làm rõ những nội dung đã ổn định, hợp lý tiếp tục thực hiện, những nội dung chưa hợp lý cần điều chỉnh; đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch đang còn hiệu lực, các dự án đã hoàn thành; xác định và làm rõ các định hướng trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện.

c) Xác định mục tiêu, động lực phát triển của khu chức năng; dự báo về dân số, lao động, quy mô đất xây dựng, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn.

d) Định hướng quy hoạch sử dụng đất, xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất trong khu chức năng theo yêu cầu phát triển từng giai đoạn.

đ) Định hướng phát triển không gian:

- Xác định mô hình phát triển, hướng phát triển của khu chức năng; định hướng và nguyên tắc phát triển đối với các khu vực chức năng;

- Tổ chức hệ thống trung tâm phù hợp với phát triển các khu dân cư và các khu vực chức năng; xác định các khu vực kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, hệ thống quảng trường, khu vực cửa ngõ, công trình điểm nhấn của khu chức năng;

- Đề xuất, minh họa hình ảnh không gian chính cho khu chức năng, giải pháp tổ chức không gian các khu vực trọng điểm và quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan các khu vực.

e) Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

- Phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước; vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn khu và từng phân khu chức năng;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đối nội; vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật (nếu có);

- Tính toán nhu cầu và xác định nguồn cung cấp nước, năng lượng (điện, khí đốt); dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn; xác định vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động, thoát nước và công trình xử lý nước thải;

- Xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

g) Đánh giá môi trường chiến lược theo các nội dung sau:

- Xác định các vấn đề môi trường chính, những bất cập trong và ngoài khu vực lập quy hoạch;
- Hiện trạng các nguồn ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường;
- Dự báo diễn biến môi trường trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch chung xây dựng khu chức năng;
- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện; đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường.

h) Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện.

5. Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

5.1. Hồ sơ khảo sát địa hình: Yêu cầu rà soát, đánh giá để đo mới, bổ sung, cập nhật bản đồ theo tỷ lệ 1/5.000 đến thời điểm hiện tại phục vụ nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung. Hồ sơ khảo sát phải được thẩm định, nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

5.2. Hồ sơ quy hoạch:

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn. Cụ thể như sau:

5.2.1. Thành phần bản vẽ:

a) Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, quy mô, ranh giới lập quy hoạch; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội, phát triển đô thị và nông thôn, tổ chức không gian và phân vùng chức năng, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới khu chức năng được lập quy hoạch. Bản vẽ thể hiện theo tỷ lệ thích hợp; trên nền bản đồ tổ chức không gian và phân vùng chức năng trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Các bản đồ hiện trạng gồm: Hiện trạng của các chức năng sử dụng đất theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này; kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở,...); hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp năng lượng và chiếu sáng, thông tin liên lạc, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước thải; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và môi trường). Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.

c) Bản đồ đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng trên cơ sở các tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về sử dụng đất. Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển; xác định các khu vực cấm, khu vực hạn chế phát triển trong khu chức năng. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.

d) Sơ đồ cơ cấu phát triển khu quy hoạch (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án); thể hiện khung hệ thống giao thông chính, mối liên kết giữa các khu vực chức năng chính, các khu vực trung tâm và hướng phát triển mở rộng khu chức năng. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.

đ) Bản đồ định hướng phát triển không gian: Xác định cấu trúc phát triển không gian theo các khu vực chức năng; các khu vực trọng điểm, khu vực kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, hệ thống quảng trường, khu vực cửa ngõ, công trình điểm nhấn của khu chức năng; các liên kết về giao thông và hạ tầng kỹ thuật giữa các khu vực; các khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm (nếu có).

Đối với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, khu công nghệ cao phải xác định và thể hiện phạm vi ranh giới các khu vực cần can thiệp kiểm soát phát triển như: Khu vực bảo tồn tôn tạo, cải tạo chỉnh trang, khu vực phát triển mới, các khu vực kiến trúc cảnh quan khác cần được bảo vệ,.... Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

e) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch: Vị trí, quy mô của các chức năng sử dụng đất theo quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này; xác định quy mô dân số (nếu có), đất đai, chỉ tiêu sử dụng đất của từng khu vực trong khu chức năng theo các giai đoạn phát triển. Đối với các khu vực không gian chính của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nghiên cứu, đào tạo cần quy định tầng cao xây dựng tối đa và tối thiểu. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

g) Các bản vẽ định hướng kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan: Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan trong khu quy hoạch; đề xuất tổ chức không gian các trục, khu chức năng quan trọng (khu trung tâm, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và các khu vực, công trình điểm nhấn,...). Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

h) Các bản đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, vùng, tỉnh và đô thị trong phạm vi lập quy hoạch chung khu chức năng theo từng chuyên ngành gồm chuẩn bị kỹ thuật, giao thông (đến cấp đường chính khu vực), cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang, hạ tầng viễn thông thụ động và công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

5.2.2. Thuyết minh bao gồm các nội dung:

a) Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên; hiện trạng dân số, chức năng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt về phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật; so sánh, đối chiếu với định hướng và chỉ tiêu tại quy hoạch đã được phê duyệt (nếu có). Đánh giá hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đang được triển khai thực hiện trên địa bàn. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

b) Xác định mục tiêu, động lực phát triển của khu chức năng; xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với từng khu vực trong khu chức năng. Đánh giá, dự báo các tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt đến định hướng phát triển của khu chức năng. Dự báo các chỉ tiêu phát triển về quy mô dân số, lao động, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu, các khu vực phát triển đô thị, nông thôn (nếu có) và từng khu vực chức năng.

c) Đề xuất, lựa chọn cấu trúc phát triển không gian khu chức năng; xác định các định hướng, nguyên tắc phát triển đối với khu vực phát triển dân cư đô thị, nông thôn, các khu vực khác trong khu chức năng (công nghiệp, du lịch, dịch vụ, sinh thái, bảo tồn,...) và tổ chức hệ thống trung tâm.

d) Quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu chức năng: Định hướng phát triển các trục không gian, hành lang phát triển làm cơ sở xác định các chỉ tiêu về mật độ dân cư, chức năng sử dụng đất. Định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu vực chức năng của khu quy hoạch, hệ thống quảng trường, khu vực cửa ngõ, công trình điểm nhấn, khu vực trọng điểm, khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm (nếu có) trong khu chức năng.

đ) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu chức năng gồm giao thông (đến cấp đường chính khu vực), chuẩn bị kỹ thuật, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP.

g) Kế hoạch thực hiện: Luận cứ xác định danh mục các quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

Thuyết minh đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

5.2.3. Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

5.2.4. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng: Nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và phải có các bản vẽ khổ A3 kèm theo.

5.2.5. Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

6. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Dự toán chi phí: thực hiện theo Thông tư 20/2019/TT-BXD xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Giao UBND huyện Quảng Xương rà soát, đánh giá quy hoạch chung được duyệt, làm rõ những nội dung đã ổn định, hợp lý, tiếp tục thực hiện, những nội dung chưa hợp lý cần điều chỉnh, báo cáo theo quy định; trên cơ sở đó đề lập dự toán chi phí theo quy định và tổ chức thẩm định và phê duyệt bảo đảm theo quy định hiện hành.

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

7. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Cơ quan thống nhất: Bộ Xây dựng.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hoá.

- Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện Quảng Xương.

- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn theo quy định của pháp luật.

- Thời gian lập đồ án quy hoạch không quá 09 tháng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H2.(2023)QDPD_NV KDL DT ven bien

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm